

Đặc điểm của văn tế Hán Nôm Bình Định

Võ Minh Hải^(*)

Nguyễn Thị Bé^(**)

Tóm tắt: Từ thực tế điền dã, sưu tầm văn tế Hán Nôm trên địa bàn tỉnh Bình Định, nhóm tác giả bước đầu nghiên cứu tổng quan về một thể loại khá đặc biệt trong văn học Hán Nôm Bình Định. Thông qua nội dung đã tìm hiểu được, bài viết hướng đến việc khẳng định những đặc điểm nổi bật của văn tế Hán Nôm Bình Định. Với tư cách là một thể loại gắn liền với chức năng nghi lễ mang âm điệu xót xa, văn tế Hán Nôm Bình Định đã mang lại những giá trị văn hóa mới góp phần vào tiến trình phát triển của văn học Bình Định.

Từ khóa: Văn học Hán Nôm, Văn tế Hán Nôm, Văn học Bình Định

Abstract: Based on fieldwork and collection of Sino-Nom funeral oration in Binh Dinh province, the authors provide an initial research outcome on a specific literary genre in Binh Dinh Sino-Nom literature. The findings help affirm unique features of Sino-Nom funeral oration in Binh Dinh literature. As a genre with a ritual function adopting sorrowful tone, the Sino - Nom funeral oration has brought new cultural values into the development process of Binh Dinh literature.

Keywords: Sino-Nom Literature, Sino-Nom Funeral Oration, Binh Dinh Literature

1. Dẫn nhập

Trong văn học Hán Nôm, văn tế là thể loại có sự kế thừa và tiếp biến từ văn tế Trung Quốc. Văn tế thể hiện ý thức tôn kính thiên địa và chế độ tông pháp, đảm trách chức năng văn hóa. Nó là cầu nối giữa các thế giới tự nhiên, siêu nhiên, quá khứ và hiện tại. Có thể nói, mỗi tác phẩm văn tế được xem là một cuộc đối thoại nhân văn và sâu sắc.

Bắt đầu từ tháng 10/2015 và kết thúc vào tháng 5/2019, qua ba chuyến điền dã tại Bình Định, chúng tôi đã sưu tầm được 27

văn bản văn cúng và văn tế (04 văn tế chữ Hán, 06 văn tế chữ Nôm, 05 văn tế Nôm đã phiên âm Quốc ngữ và 12 văn tế chữ Quốc ngữ). Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy trữ lượng văn tế Hán Nôm tại Bình Định khá lớn nhưng chưa được đầu tư nghiên cứu đúng mức, phù hợp.

Bộ phận văn tế chữ Hán có 04 văn bản: *Văn tế Cống Quận công Trần Đức Hòa*; *Văn tế Hoàng Quốc công Đào Duy Từ*; *Văn tế Hiệp tế họ Trần ở Cảnh Vân*; *Văn tế Hiệp tế họ Đặng ở Lộc Trung*. Bộ phận văn tế chữ Nôm có 06 văn bản: *Phụng dụ tế phò mã Chương Hậu quân Võ Tánh*; *Lễ bộ Tham Tri Ngô Tùng Châu (Đặng Đức Siêu)*; *Văn bà xã tế ông xã (Nguyễn Trọng Trì)*;

^(*) TS., Trường Đại học Quy Nhơn;
Email: minhhaiquynhon@gmail.com

^(**) ThS., Trường Đại học Khánh Hòa.

Văn tế mẹ, Tế trận vong chiến sĩ văn (Đào Phan Duân); *Văn tế thầy* (Hòa thượng Bích Liên); *Văn tế cô hồn* (Trần Đình Tân).

Ở bộ phận văn tế chữ Quốc ngữ: 03 văn bản do chúng tôi sưu tầm năm 2017 giống với 03 văn bản do Trung tâm lưu trữ lịch sử Bình Định và Đặng Quý Địch sưu tầm; cùng với đó là 03 văn bản do Đặng Quý Địch sưu tầm và chúng tôi sưu tầm trùng nhau, tổng cộng là có 06 văn bản. Số còn lại chúng tôi sưu tầm được ở các bộ phận chủ yếu tập trung vào các nội dung *tế Quan đế, Thiên hậu, Bốn Đầu Công, văn tế xuân thu nhị kì, văn tế kì yên* tại các đình làng, tất cả những văn bản này chưa được công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào.

2. Một số đặc điểm về nội dung của văn tế Hán Nôm Bình Định

a) Đề cao luân lý, đạo đức xã hội

Tính đến nay, chúng tôi chưa sưu tầm được văn bản văn tế nào do bề tôi viết để tế vua. Lê Ngọc Hân tế Vua Quang Trung cũng đứng ở cương vị vợ tế chồng (*Văn tế Vua Quang Trung*), Trần Đình Tân viết bài tế Vua Quang Trung cũng là thay mặt cho toàn dân của địa phương tưởng nhớ vị anh hùng dân tộc (*Văn tế Quang Trung hoàng đế*). Có lẽ điều này đã có một quy ước ngầm là bề tôi không được phép tế vua. Tông chánh tự (Tông nhân phủ) và Lễ bộ là những cơ quan chuyên trách nhiệm vụ này trong hoạt động của các triều đại phong kiến.

Còn việc hoàng đế và triều đình tổ chức tế cúng bề tôi là sự kiện khá trọng đại, thể hiện sự quan tâm của cá nhân hoàng đế và tri ân của triều đình đối với các bậc công thần. Theo Đại Nam thực lục, tháng 6/1799, Nguyễn Ánh chiếm được thành Quy Nhơn và đổi tên thành Bình Định, sau đó rút quân về Gia Định sai Võ Tánh và Ngô Tùng Châu ở lại trấn thủ. Năm 1800, quân Tây Sơn do Trần Quang Diệu dẫn đầu vây thành, Võ

Văn Dũng giữ cửa Thị Nại không cho quân Nguyễn ra cứu thành. Năm 1801, Nguyễn Ánh ra cứu thành, bí mật sai người báo Võ Tánh bỏ thành hiệp quân đánh Phú Xuân. Võ Tánh hồi thư khuyên Nguyễn Ánh nên lấy đại cục làm trọng, nhân lúc đại quân Tây Sơn đang ở đây nên tấn công chiếm lấy Phú Xuân, “đổi một mạng thần để lấy Phú Xuân là đủ”. Nguyễn vương gạt lệ dẫn quân đem đi, quả nhiên chiếm được Phú Xuân. Sau sai Lê Văn Duyệt và Lê Chất vào cứu nhưng đại quân đến Quảng Ngãi thì thành Bình Định đã bị hạ. Nguyễn Ánh rất xót thương và sai Lễ bộ Thượng thư Đặng Đức Siêu thay mặt ông viết bài tế: *Phụng dụ tế phò mã Chương Hậu quân Võ Tánh, Lễ bộ Tham tri Ngô Tùng Châu*.

Bài văn tế này không chỉ ghi nhận sự hi sinh của Võ Tánh và Ngô Tùng Châu cho đại cục của nhà Nguyễn, mà còn ngợi ca, xiển dương tấm lòng kiên dũng của hai vị trung thần. Đặng Đức Siêu đã ngợi ca tấm lòng trung trinh và sự uy nghiêm của hai vị huân công của triều Nguyễn trong hành trình xây dựng sự nghiệp. Thác lời vua, ông cũng an ủi hương linh của song trung, tỏ rõ khí thiêng để mở nền thịnh trị:

“Bóng tinh trung thấp thoáng dưới đàn, phong nghi cũ kiêu liêu bằng sai lệ;

Cơ đăng định kíp chầy hẹn buổi, xót tướng doanh sao vắng bậc thân huân”

(Võ Minh Hải, 2019: 81).

Trước Võ Tánh, Ngô Tùng Châu, ở vùng Bình Định, các nhân sĩ hào kiệt cũng đã góp công giúp các chúa Nguyễn định đô, mở mang bờ cõi, Nam tiến. Trần Đức Hòa và Đào Duy Từ là những nhân vật tiêu biểu. Sách Đại Nam chính biên liệt truyện, phần *Tiền biên* đã định rõ công lao và nghĩ chế tế tự đối với hai vị công thần này. Đặc điểm chung của các bài văn tế chữ Hán này đều hướng đến việc “ghi nhận tài năng, đức

độ cũng như những đóng góp của các vị đối với công nghiệp của các chúa Nguyễn” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1999: 89).

Áng văn bi ai nhất là những bài văn do vợ tể chồng (*Văn tể Vua Quang Trung* của Lê Ngọc Hân, *Văn tể chồng* của Trần Đình Tân), con cái tể cha mẹ như *Văn tể mẹ* (Đào Phan Duân, Trần Trọng Giải), *Văn tể cha* (Lê Đình Huyền). Bên cạnh chữ Trung, chữ Hiếu trong những áng văn tể là điểm cần lưu ý, Phó bảng Đào Phan Duân cũng không cầm được nước mắt trong giờ phút sinh ly tử biệt với người hiền mẫu của ông trong *Văn tể mẹ*:

“Cha bước lên làng tiên cõi phật, ai đâu ngờ đến cuộc tang thương;

Mẹ gây nên góc quế nhà lan, đừng sững để đến lời cô quả...”

(Võ Minh Hải, 2019: 202).

Đối tượng được tể cúng không chỉ là thân sinh mà còn là thầy học (*Văn tể thầy* của hòa thượng Bích Liên), cô mẫu (*Văn tể cô* của Trần Trọng Giải), cha mẹ chồng hoặc vợ (*Văn tể cha vợ* của Nguyễn Chuân, *Văn tể mẹ chồng* của Huỳnh Bá Văn). Tất cả đều xuất phát từ tấm chân tình, lời ai điếu rất động lòng người. Tất cả những bài tể văn trên đều hướng đến việc khẳng định giá trị của luân thường, đạo lý, tôn quân. Mang tính quy phạm, tất cả các bài tể này đều thể hiện sự ngưỡng vọng đối với người đã khuất và luân lý của lễ pháp phong kiến trong xã hội cũ. Ngoài ra, với những áng văn tể giàu tính nhân văn, các văn nhân người Bình Định hoặc những người viết về các nhân vật Bình Định đều đề cao tinh thần hiếu trung của nhân dân vùng “đất võ trời văn”.

b) *Ngợi ca tinh thần yêu nước, nhân đạo*

Văn tể Bình Định còn thể hiện lòng yêu nước gắn liền với quá trình chống ngoại xâm. Khảo sát những văn bản văn tể Hán Nôm đã sưu tầm được, chúng tôi nhận thấy

văn tể chữ Nôm thường dùng để tể tự nhân các sự kiện lịch sử chủ yếu liên quan đến công cuộc kháng Pháp của văn thân sĩ phu Bình Định. Là một đại thần hưu trí của nhà Nguyễn, chứng kiến sự sụp đổ hoàn toàn của triều Nguyễn và quân Nhật đầu hàng Đồng minh vào năm 1945, Đào Phó bảng đã hoàn toàn tin tưởng vào cuộc kháng chiến trường kỳ của quân và dân Việt Nam, nhất là lực lượng Việt Minh. Để tưởng niệm những chiến sĩ đã vì quốc vong thân, nhân dân huyện Tuy Phước tổ chức một cuộc truy điệu tại huyện lỵ vào ngày 22/6/1946 (Bính Tuất), Đào Phan Duân đã viết một bài tể *Nôm Tể trận vong chiến sĩ văn* để tể cúng những chiến sĩ đã tử trận vì sự tái chiếm của thực dân Pháp. Trong tác phẩm của mình, ông đã luôn ghi nhớ những công lao mà các chiến sĩ đã đổ ra trong cuộc chiến chống sự tái chiếm Việt Nam của thực dân Pháp. Cuộc kháng chiến tốn công lao sức, trường kỳ và có nhiều khó khăn. Đây cũng điều khiến ông luôn trăn trở:

“Sông Vô Định đóng xương còn đó, lúc trời chiều khách thấy luống ngậm ngùi;

Đất Trường Bình giọt máu đầu đây, khi nắng tắt người trông càng thảm thiết”

(Đặng Quý Dịch, 2008: 87).

Đào Phan Duân khẳng định, vì hai chữ ái quốc mà các chiến sĩ đã dũng cảm hi sinh. Qua lời văn của cụ Biểu Xuyên, chúng ta có thể nhận thấy đó là một sự hi sinh vì chính nghĩa, vì nghĩa đồng bào, lòng tuấn tiết.

Văn tể ra đời từ nhu cầu tể lễ, tiếc thương hay ngợi ca những người đã khuất. Thông qua lời văn, ý tưởng và nội dung bài tể, tác giả muốn trao gửi những tình cảm của người còn sống đến người đã khuất, từ sự mất mát đau thương hướng đến việc nêu gương cho những người còn sống. Việc sử dụng văn tể còn là để ngợi ca tinh thần yêu

nước, vì nhân dân. Đề tưởng nhớ vị anh hùng kháng Pháp - Nguyên soái Mai Xuân Thưởng (1860-1887), nhân dân Bình Định đã không tiếc lời ca ngợi những đóng góp của ông đối với mảnh đất này. Ông Đồng Sĩ Bình (thông phán tòa sứ Quy Nhơn) đã viếng Mai Nguyên soái qua hai câu Hán văn đầy xúc cảm và thán phục:

“Bại trận nhi bất hàng, hùng tâm phiêu vũ trụ, đão để chiến công lực kiệt, binh tàn, thế cô, túng sử vận quốc hưng vong, liệt sĩ hồ cam hàm hận huyết;

Đoạn đầu du năng tiểu, nghĩa khí quán can khôn, hậu lai chuyên chế vân la, nhơn vong sự một, na thức giá bang tinh trận, hậu nhơn thượng vị hích kỳ danh”

(Bại trận quyết không đầu hàng, khí hùng bay vũ trụ, dù lực kiệt, binh tàn, thế cô, nếu vận nước chưa suy, liệt sĩ khá đành ôm mối hận; Đầu rơi vẫn cưỡi cột, nghĩa khí trùm trời đất, mặc xiềng xích bủa vây, người mất việc không thành, hay chăng nông nổi ấy, mai sau ai đã rõ nguồn cơn)

(Võ Minh Hải, 2019: 102).

Chí sĩ Mai Xuân Thưởng là người rắn rỏi, khí cốt cương nghị, vì trúng mưu của Nguyễn Thân và Trần Bá Lộc đã đại nghĩa diệt thân với tư cách là một bại tướng chứ không phải hàng tướng. Trong *Nhân dân Bình Khê tế anh hùng Mai Xuân Thưởng*, tác giả đã ngợi ca tinh thần yêu nước, vì dân của vị dũng tướng trong phong trào Cần vương ở Bình Định:

“Mây Linh Đồng bơ vơ hồn tổ quốc, lạnh lùng mây lớp sâu giăng;

Nước Côn giang lai láng dạ hoài nhân, sụt sùi hai làng lụy nhớ”

(Đặng Quý Địch, 2008: 197).

Tiếp nối mạch ngầm hào khí Tây Sơn, Mai Xuân Thưởng đã trở thành một biểu tượng lớn trong lòng nhân dân Bình Định. Điều này thể hiện rõ trong các bài tế văn

đầy hào sảng mà nhiều thế hệ người Bình Định đã hằng năm tế kỵ vào ngày rằm tháng Tư âm lịch.

Có thể nói, văn tế Hán Nôm Bình Định thời kháng Pháp là tiếng lòng của những người con yêu nước. Đó không chỉ là những lời ai vãn mà còn là những thông điệp kêu gọi tiếp bước cha ông trên con đường tranh đấu. Nó là kết tinh từ máu tuỷ của người nằm xuống, là lời tâm huyết của tác giả. Những tác phẩm văn tế trong giai đoạn này có thể xem như những lời hịch kháng chiến và hoàn thành sứ mệnh vinh quang mà lịch sử giao phó.

c) *Tiếng cười trào tiêu châm biếm sâu sắc*

Trào tiêu là giễu cợt, nhạo báng. Những bài tiêu biểu cho dạng này là *Văn bà xã tế ông xã* (Nguyễn Trọng Tri), *Văn tế con chuột* (Huỳnh Bá Văn), *Văn tế nha phiến* (Nguyễn Xuân Kiều), đều có tính khôi hài, theo lối tạp thể. Điều này được thể hiện ngay đầu đề bài văn tế. Đối tượng được tế cũng mang tính bông đùa, châm chích. Trong *Danh nhân Bình Định* (năm 1943), Bùi Văn Lăng đã sưu tuyển bài văn tế này của ông Huỳnh Bá Văn. Trong *Kế sĩ đất Bình Định*, Đặng Quý Địch (2009: 76) đã cho biết những thông tin như sau: Ông là người làng Thanh Danh, tổng An Nghĩa, phủ An Nhơn, đỗ Tú tài khoa Quý Mão (năm 1903), Cử nhân khoa Bính Ngọ (năm 1906) tại trường thi Bình Định. Là người không màng danh lợi, ông từ chối sự bổ dụng của triều Nguyễn, ở nhà làm thuốc cứu người.

Huỳnh Bá Văn là nhà Nho có sở trường về văn tế. Số lượng văn tế của ông còn lại là 07 bài. Trong đó, bài *Văn tế con chuột* với lời lẽ phúng thích vừa sâu kín lại vừa khéo, so với bài *Văn bà xã tế ông xã* của Nguyễn Trọng Tri thì mỗi tác phẩm đều

có một vẻ riêng, bài nào cũng xứng đáng là trân bảo của dòng văn trào phúng Bình Định. Qua lời văn tế con chuột trong *Văn tế con chuột*, ông muốn hướng đến bọn sâu dân một nước “mập mình nhờ mầu mỡ nhà dân”. Theo ông, giống “chuột hai chân” này thời nào cũng có, chúng giỏi “xoi thêm khoét lăm lăm lòng tham” khiến kẻ tu hành không thể từ bi cũng phải đặt bẫy, cô gái mười ba cũng ghé sấm lưới, bẫy thếp và cuối cùng là:

“... Những tường sa vào chum nếp, no đã nứt niềng;

Nào hay chui xả bẫy chùa, kẹt đà chết giẫy...

... Hay là gái mười ba cuu oán, sấm chà vì rình rập đã lâu ngày;

Hay là nọi chín chục còn nhiều, nạp lông vít đèn bồi trong một mây...”

(Đặng Quý Dịch, 2008: 106).

Nguyễn Trọng Trì là “Cần vương cự đảng”, luôn bị dòm ngó bởi nhà cầm quyền nhưng trước sau ông vẫn không đổi chí. Học vị Cử nhân bị tước nhưng không vì thế mà ông xa lánh sáng tác. Trước tác của ông khá nhiều, nhưng phần lớn đã thất tán. Bài *Văn bà xã tế ông xã* của ông nhằm đả kích tệ cường hào ác bá khá phổ biến trong làng xã Việt Nam khi ấy. Khi ông xã vội ra đi, mất nguồn thu, bà xã đón đau than khóc viết lời tế:

“Thương là thương: ngân thuế phù dâu, cha đem về cho đứa lớn đứa nhỏ, mà nay cha bỏ con thơ chịu chút chôn trần hoan, diêu vọng Hành sơn vân sắc ám, cha hỡi là cha!

Tiếc là tiếc: phì điền bao chiếm, anh bao cho em mầu chín mầu mười, mà nay anh bỏ vợ đại bỏ vợ nơi dương thế, diêu chiêm Tương thủy trước thành ba, anh hỡi là anh!”

(Đặng Quý Dịch, 2008: 55).

Người đọc không khỏi nhin cười bởi lời thương, lời tiếc của bà xã đối với ông xã đều vì tiền, vì bạc, vì ruộng đất phì nhiêu, vì bà không còn ai che chở. Bài văn tế có tính hài hước dí dỏm này, tấm lòng ưu thời mẫn thế của một nhà chí sĩ đã phần nào được hé lộ. Có thể nói, đây là những áng văn xuất sắc. Dù là sự tưởng tượng nhưng hết sức sáng tạo, thông minh, châm biếm chua cay. Nếu có tế thật thì quả là câu chuyện vô tiền khoáng hậu.

3. Một số đặc điểm phương thức nghệ thuật của văn tế Hán Nôm Bình Định

a) Đặc điểm văn thể

Với 71 tác phẩm văn tế Hán Nôm Bình Định, chúng tôi đã phân loại theo tiêu chí thể văn và có kết quả như sau: Văn tế viết theo thể Phú có 30 tác phẩm (10 tác phẩm chữ Hán, 20 tác phẩm chữ Nôm); Văn tế viết theo văn vần có 07 tác phẩm chữ Nôm; Văn tế viết theo lối tạp thể có 34 tác phẩm (16 tác phẩm chữ Hán, 18 tác phẩm chữ Nôm).

Trong văn học cổ điển Việt Nam, thể phú thường được sử dụng để viết văn tế. Thực tế cho thấy, ở bộ phận văn tế chữ Nôm, đại đa số được viết theo thể phú, trong tổng số 45 tác phẩm văn tế chữ Nôm được sưu tầm, chúng tôi nhận thấy có đến 32 văn bản được viết theo thể phú, số còn lại chia đều cho tạp thể, văn vần. Huỳnh Bá Văn, Trần Đình Tân, Đào Phan Duân... là những tác giả có số lượng văn tế chữ Nôm nhiều, hầu hết viết theo thể phú. Các tiểu loại nhỏ trong thể phú được sử dụng để viết văn tế, nhiều nhất là thể phú Đường luật và biến phú. Trước hết cần nói rõ, đối với văn tế chữ Hán, hầu hết là theo thể phú Đường luật nghiêm ngặt. Chẳng hạn, trong bài *Văn tế Cống quận công Trần Đức Hòa* bằng chữ Hán, soạn giả (khuyết danh) đã sử dụng thể phú Đường luật để viết và cân trọng, câu văn đăng đối, ý văn đối ngẫu, câu chữ được sắp đặt theo luật định:

“Thiên địa trừ tình, Càn khôn chung tụy.
Siêu nhiên đệ nhất anh hùng, Trác nhĩ
bán thiên danh thế.”

Tinh biểu hiện hoàng triều sắc tặng,
đan thư vạn cổ trường huy;

Công đức thù lục đã truy ân, tự điển
thiên thu phát thế”

(Cõi trời đất đã dành định sẵn, Vòng
càn khôn đã hun đúc tinh túy.

(Ngài là người) vượt lên trên (người
đời và trở thành) bậc anh hùng đệ nhất;

Tên tuổi vang vọng trên cõi đời đã mấy
trăm năm nay.

Ân điển của hoàng triều ta đã ban sắc
tặng để biểu dương (công nghiệp) vinh hiển
(của ngài), đã ghi vào sách son để muôn đời
sau ghi nhớ.

Nhân dân nhớ lại ơn (của ngài đã) lập
công thi bố ơn đức (để mọi người được
nhờ) nên việc thờ phụng tế tự (ngài) muôn
năm vẫn không hề thay đổi)

(Đặng Quý Định, 2008: 10).

Phú và thơ đều thể hiện tình cảm bằng
vần điệu và tiết tấu, ngắt quãng. Phú khác
thơ ở chỗ, thơ thiên về sự cô đọng, phú
hướng đến sự miêu tả, tả nhiều, tả kỹ. Vì
thế, văn tế chữ Nôm theo thể phú thể hiện
được những ưu thế đặc sắc của biên phú,
chẳng hạn trong bài *Văn hiệp tế họ Quách -
Tây Sơn*, chúng ta có thể nhận thấy kỹ thuật
dùng đối và miêu tả cách được Quách Tấn
sử dụng một cách khá bài bản và hấp dẫn:

“Vốn họ ta thuộc dòng Mân Việt; đời
đời nối dõi Văn Lang.

Tài kinh doanh theo dấu Đào công,
mấy phen dựng nghiệp cả”

(Võ Minh Hải, 2019: 149).

Đặc điểm biểu hiện của văn tế là sự
phô diễn tình cảm và đa giọng điệu. Đặc
điểm này phù hợp với phú và văn xuôi.
Song do văn tế cần phải được viết dài mới
diễn đạt hết những ưu tư của người sống

đối với người mất, vì thế có những tác
phẩm văn tế Hán Nôm đã sử dụng những
thể thơ có độ dài không hạn định. Tuy
nhiên, đây là những thể không thật sự phù
hợp để viết với văn tế, số lượng bài văn
tế chữ Nôm theo lối này khá hạn chế chỉ
có 07/71 bài. Tiêu biểu cho dạng thức này
là những bài khoa nghi của Phật giáo do
hòa thượng Bích Liên diễn chữ Nôm qua
Mông sơn thí thực khoa nghi diễn Nôm,
khắc bản năm 1922, lưu trữ mộc bản tại
chùa Vĩnh Khánh, thôn Cẩm Văn, phủ An
Nhơn, Bình Định (nay là thôn Háo Đức,
xã Nhơn An, huyện An Nhơn, tỉnh Bình
Định). Tác phẩm này gồm 07 bài bằng
chữ Nôm để tế cúng cô hồn, hương linh
người mất trong các đám tang. Ở các tác
phẩm chữ Nôm này. Hòa thượng Bích
Liên chủ yếu sử dụng thể lục bát và song
thất lục bát. Vì thế, bài văn cúng này rất
dễ đọc, nội dung phong phú:

“Đỗ quyên kêu suốt tàn canh,
Máu hồng nhuộm mãi trên cành đào hoa.
Trước sau vương bá những là,
Hồn hương xin chứng tiệc hoa sẵn sàng”.
“Lại thỉnh kẻ Ngũ Lăng tài tuấn,
Phẩm hiền lương bách quận danh thần.
Ba năm quan tiết trong ngần,
Lòng son một tấm trung quân rõ ràng”
(Đặng Quý Định, 2008: 224).

Với yếu tố tự sự qua thể lục bát và trữ
tình qua thể song thất lục bát, các bài văn
tế chữ Nôm này đã khiến người nghe hiểu
thấu được lẽ huyền vi của con tạo, luân lý ở
đời cũng như sự minh triết trong cuộc sống
ở cõi Ta bà này.

b) Đặc điểm ngữ liệu văn hóa

Ngữ liệu văn hóa là những từ ngữ chịu
ảnh hưởng từ văn hóa bác học và bình dân
trong ngôn ngữ văn học cổ điển Việt Nam.
Là những tác phẩm văn học được thể hiện
qua dạng thức văn tự Hán và Nôm, văn tế

Bình Định có những điểm đặc sắc và mang tính khu biệt so với các địa phương khác, biểu hiện rõ nhất ở bộ phận văn tế chữ Nôm. Câu chữ trong bài tế bằng chữ Hán luôn đúng theo mô thức, đều dẫn nguồn trong kinh sử. Từ ngữ càng học hiễm văn nghĩa, thâm sâu càng thể hiện tài năng của người viết. Trong bài *Văn tế hiệp họ Trần ở Cảnh Vân* (Tuy Phước), soạn giả đã viết những câu rất uyên bác:

“Hữu khai tất tiên, vạn đại chi hiếu từ, nhi kiến,

Khắc xương quyết hậu, thiên thu chi công đức, bất thiên”

(Khai cơ nghiệp có tổ tiên, muôn đời con cháu hiếu từ, đã thấy rõ

Làm sáng rõ đời sau, công đức ấy ngàn thu, không đổi thay)

(Đăng Quý Dịch, 2008: 24).

Trong những câu này, các ngữ liệu văn hóa như “hữu khai tất tiên”, “khắc xương quyết hậu” đều là những câu chữ được lấy ý trong *Thi kinh*, thiên “Chu Tụng”. Đặc điểm ngôn ngữ trong văn tế Hán Nôm rất đa dạng.

Với 45 tác phẩm chữ Nôm được khảo sát, chúng tôi đã thống kê được tổng số 1.040 ngữ liệu văn hóa. Điều đó cho thấy, trong ý thức sáng tác của các tác gia văn tế Hán Nôm Bình Định, họ đã có sự chú ý và vận dụng khá sáng tạo hệ thống ngữ liệu văn hóa có nguồn gốc từ văn hóa Trung Hoa và Việt Nam để diễn đạt, thể hiện những trăn trở của mình trước cơn binh lửa của thời đại. Trong 1.040 ngữ liệu, chúng tôi đã bước đầu phân loại thành hai hệ thống: nguyên dạng (737 ngữ liệu, chiếm tỷ lệ 70,87%) và chuyển dịch (303 ngữ liệu, chiếm tỷ lệ 29,13%). Khảo sát hệ thống ngữ liệu văn hóa trong ngôn ngữ nghệ thuật của một số tác phẩm văn tế chữ Nôm Bình Định cho thấy, các ngữ liệu văn hóa được các tác giả sử dụng đa dạng,

phong phú về mặt nguồn gốc. Nhìn chung, cũng giống như hệ thống ngữ liệu văn hóa nguyên dạng, hệ thống ngữ liệu văn hóa chuyển dịch cũng khá phong phú về nguồn gốc và có phần được sử dụng linh hoạt, gần gũi và dễ hiểu hơn. Qua ngữ liệu được Việt hóa, tác giả đã đưa tác phẩm của mình đến gần với độc giả, có lẽ đây cũng là lý do giúp cho các sáng tác của họ được phổ biến rộng rãi trong quần chúng. Bên cạnh đó, sự xuất hiện của các từ cổ trong văn tế chữ Nôm Bình Định đã cho thấy đến đầu thế kỷ XX các từ cổ vẫn được các tác giả sử dụng phổ biến. Hệ thống từ loại phong phú bao gồm danh từ (thầy đãi bà nàng), động từ (tợ mặt; ngợi; chéch mích; lánh hé; nứt niềng), đại từ (qua, bậu), tính từ (chăm hăm; thảo hảo; lôm xôm; lảm lặc)... Điều này cho thấy quá trình Việt hóa từ ngữ Hán đã giúp tác giả văn tế có thể thể hiện rõ ràng, nặng nề về tính miêu tả những xúc cảm của cá nhân.

c) *Sự đa dạng, phức hợp trong giọng điệu nghệ thuật*

Văn tế chủ yếu được sử dụng trong các cuộc tế lễ nên tính chất trang nghiêm, tiếc nuối và kính ngưỡng là những giọng điệu chủ yếu. So với các kiểu giọng điệu khác, giọng điệu trang nghiêm có thể trải dài toàn bài văn tế như một lời cảm thán, phân tự sự, phân tiếc thương, rõ ràng nhất là ở phần đầu và cuối bài văn tế. Theo quy phạm, phần đầu luôn được mở bằng *Cung duy* và kết thúc bằng những chữ *Phục duy, Cẩn cáo*. Trong *Văn tế hiệp họ Đặng ở Lộc Trung*, soạn giả đã mở đầu bằng *Cung duy tiên linh* và kết thúc bằng hai chữ *Thượng hưởng*. Tương tự trong *Văn tế Cống Quận Công Trần Đức Hòa*, bài văn được mở đầu bằng câu *Cung duy tiên công* và kết thúc bằng câu theo mô thức: *Phục duy, Cẩn cáo*. Các bài văn tế

chữ Nôm cũng có mô thức tương tự để thể hiện sự nghiêm cẩn, góp phần giúp người đọc thể hiện được giọng điệu trang nghiêm trong lúc tế cúng: Mở đầu bằng các mô thức “Than rằng”, “Hỡi ôi”, “Than ôi” và kết thúc bằng những câu kính nghĩa tưởng nhớ. Trần Trọng Giỏi trong *Văn tế mẹ* đã mở đầu như sau:

“Hỡi ôi! Núi Dĩ trắng chên; Nhà huyên bóng xế”.

Và kết thúc bằng câu kính nghĩa:

“Suối vàng hồn mẹ có linh, xin hưởng ba chung rượu lễ”

(Đặng Quý Dịch, 2008: 137).

Mô thức này cũng được lặp lại tương tự trong *Văn tế mẹ*, *Tế trận vong chiến sĩ văn*, *Văn tế cha vợ*, *Văn tế cha*... Giọng điệu tha thiết là phương tiện thiết yếu để người còn sống tâm tình với người đã khuất.

Giọng điệu tự hào, hãnh diện lại xuất phát từ sự kính nghĩa đối với công nghiệp mà người mất đã dựng xây được khi còn sống. Trần Đình Tân khi tế Vua Quang Trung, tưởng nhớ đến sự nghiệp của nhà vua đã phóng bút những lời hào sảng:

“Một trận thắng Đống Đa oanh liệt, quân gia hùng mạnh biết là bao;

Tám vạn quân Sĩ Nghị rã tan, xương máu ngổn ngang đầu xiết kể”

(Đặng Quý Dịch, 2008: 152).

Đặc điểm cuối cùng là chất giọng châm biếm. Những tác phẩm có nội dung châm biếm không nhiều. Tiếng cười trong những tác phẩm này hầu hết đều hướng đến việc châm biếm những thói hư tật xấu và trào lộng cái hại ở đời nhằm cảnh tỉnh thế nhân. Nguyễn Xuân Kiếu vì thi cử lao đao, sinh phần chí rồi làm bạn với mấy ả phù dung (thuốc phiện). Sau nhận thấy cái hại của nha phiến nên ông đã viết *Văn tế nha phiến* để châm biếm cái hại của nó và mong người đời sau tránh xa:

“Vậy mới rằng quân tử sớm tri cơ;
Vậy mới gọi anh hùng khi cái quá”
(Đặng Quý Dịch, 2008: 68).

Từ giọng điệu trào tiếu, trào lộng, cao hơn cả là châm biếm mạnh mẽ và chuyển dần sang khuyến cáo đã tạo nên tính chất lạc quan, cố gắng xây dựng cuộc sống thanh bình, giúp con người nhận thức được sai trái mà chủ tâm cải hối, giúp gia đình, bản thân trở thành những người có ích.

4. Kết luận

Tóm lại, văn tế Hán Nôm Bình Định là thể loại có quá trình phát triển gắn liền với những thăng trầm của địa phương trong lịch sử. Quá trình sưu tầm và đánh giá về thể loại này đã góp phần làm rõ những giá trị của văn học Hán Nôm Bình Định trong văn học cổ điển miền Nam Trung bộ. Về phương diện nội dung và nghệ thuật, nó được xem là sự tri ân đối với các bậc tiền nhân, những anh hùng xả thân vì đất nước. Bên cạnh chức năng nghi lễ, văn tế Hán Nôm Bình Định còn mang âm điệu xót xa, giọng điệu trào tiếu, châm biếm đã tạo nên những nét đặc sắc, phức điệu và đa dạng của thể loại văn học này. Đây cũng là một trong những yếu tố dân tộc hóa các thể loại văn học ngoại lai trong văn học trung đại Việt Nam □

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Quý Dịch (sưu tầm, chú giải) (2008), *Văn tế ở Bình Định*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
2. Đặng Quý Dịch (2009), *Kể sử Bình Định*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Võ Minh Hải (2019), *Văn tế Hán Nôm được sưu tầm ở Bình Định*, Tài liệu cá nhân.
4. Bùi Văn Lãng (1943), *Danh nhân Bình Định*, Tác giả tự xuất bản.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn (1999), *Đại Nam chính biên liệt truyện*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.